

# KẾT QUẢ KIỂM TRA PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày /01/2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Dự toán chưa phân bổ
A	B	1	2	3	4=1-3
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH TỪ NGUỒN THU</b>				
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>3.170</b>	<b>3.170</b>	<b>3.170</b>	
<b>1.1</b>	<b>Phí</b>	<b>3.170</b>	<b>3.170</b>	<b>3.170</b>	
a	Văn phòng Sở Y tế	1.350	1.350	1.350	
	- Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	1.350	1.350	1.350	
b	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	900	900	900	
	- Phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm	900	900	900	
c	Trung tâm Giám định y khoa	920	920	920	
	- Phí giám định y khoa	920	920	920	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>2.504</b>	<b>2.504</b>	<b>2.504</b>	
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế</b>	<b>874</b>	<b>874</b>	<b>874</b>	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Trung tâm Giám định y khoa)	874	874	874	
	- Phí giám định y khoa	874	874	874	
<b>2.2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>1.630</b>	<b>1.630</b>	<b>1.630</b>	
a	Văn phòng Sở Y tế	1.000	1.000	1.000	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế)	1.000	1.000	1.000	
b	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	630	630	630	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm)	630	630	630	
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>666</b>	<b>666</b>	<b>666</b>	
	<b>Phí</b>	<b>666</b>	<b>666</b>	<b>666</b>	
a	Văn phòng Sở Y tế	350	350	350	
	- Phí thẩm định hoạt động, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	350	350	350	
b	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	270	270	270	
	- Phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm	270	270	270	
c	Trung tâm Giám định y khoa	46	46	46	
	- Phí giám định y khoa	46	46	46	
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>				
	<b>Tổng số</b>	<b>191.252,6</b>	<b>128.453,6</b>	<b>128.453,6</b>	<b>62.799</b>
<b>I</b>	<b>Quản lý hành chính □</b>	<b>17.275</b>	<b>17.275</b>	<b>17.275</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>	<b>9.875</b>	<b>9.875</b>	<b>9.875</b>	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	7.142	7.142	7.142	
	- Kinh phí bổ sung lương	2.061	2.061	2.061	
	- Kinh phí không tự chủ	672	672	672	

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Dự toán chưa phân bổ
A	B	1	2	3	4=1-3
<b>2</b>	<b>Chi cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình</b>	<b>3.319</b>	<b>3.319</b>	<b>3.319</b>	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	2.502	2.502	2.502	
	- Kinh phí bổ sung lương	817	817	817	
<b>3</b>	<b>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</b>	<b>4.081</b>	<b>4.081</b>	<b>4.081</b>	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	3.117	3.117	3.117	
	- Kinh phí bổ sung lương	964	964	964	
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp y tế, dân số</b>	<b>169.727,6</b>	<b>106.928,6</b>	<b>106.928,6</b>	<b>62.799</b>
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>	<b>830,9</b>	<b>830,9</b>	<b>830,9</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	830,9	830,9	830,9	
<b>2</b>	<b>Bệnh viện Bà Rịa</b>	<b>26.019,5</b>	<b>26.019,5</b>	<b>26.019,5</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	26.019,5	26.019,5	26.019,5	
<b>3</b>	<b>Bệnh viện Vũng Tàu</b>	<b>13.328,7</b>	<b>13.328,7</b>	<b>13.328,7</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	13.328,7	13.328,7	13.328,7	
<b>4</b>	<b>Bệnh viện Tâm thần</b>	<b>16.578</b>	<b>16.578</b>	<b>16.578</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí thường xuyên	13.255	13.255	13.255	
	- Kinh phí không thường xuyên	3.323	3.323	3.323	
<b>5</b>	<b>Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí</b>	<b>12.386,8</b>	<b>12.386,8</b>	<b>12.386,8</b>	
	- Kinh phí thường xuyên	8.949	8.949	8.949	
	- Kinh phí bổ sung lương	2.837	2.837	2.837	
	- Kinh phí không thường xuyên	600,8	600,8	600,8	
<b>6</b>	<b>Bệnh viện Y học cổ truyền</b>	<b>9.878</b>	<b>9.878</b>	<b>9.878</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí thường xuyên	4.401	4.401	4.401	
	- Kinh phí không thường xuyên	5.477	5.477	5.477	
<b>7</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh</b>	<b>9.427,4</b>	<b>9.427,4</b>	<b>9.427,4</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	9.427,4	9.427,4	9.427,4	
<b>8</b>	<b>Trung tâm Giám định Y khoa</b>	<b>3.106</b>	<b>3.106</b>	<b>3.106</b>	
	- Kinh phí thường xuyên	2.247	2.247	2.247	
	- Kinh phí bổ sung lương	859	859	859	
<b>9</b>	<b>Trung tâm Pháp Y</b>	<b>5.056</b>	<b>5.056</b>	<b>5.056</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí thường xuyên	2.763	2.763	2.763	
	- Kinh phí bổ sung lương	1.086	1.086	1.086	
	- Kinh phí không thường xuyên	1.207	1.207	1.207	
<b>10</b>	<b>Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm</b>	<b>7.322</b>	<b>7.322</b>	<b>7.322</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí thường xuyên	4.758	4.758	4.758	
	- Kinh phí bổ sung lương	1.266	1.266	1.266	
	- Kinh phí không thường xuyên	1.298	1.298	1.298	
<b>11</b>	<b>Quý Khám chữa bệnh cho người nghèo</b>	<b>160</b>	<b>160</b>	<b>160</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	160	160	160	

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Dự toán chưa phân bổ
A	B	1	2	3	4=1-3
<b>12</b>	<b>Bệnh viện Mắt</b>	<b>668</b>	<b>668</b>	<b>668</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	668	668	668	
<b>13</b>	<b>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</b>	<b>978,6</b>	<b>978,6</b>	<b>978,6</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	978,6	978,6	978,6	
<b>14</b>	<b>Chi cục Dân số - KHHGD</b>	<b>1.188,7</b>	<b>1.188,7</b>	<b>1.188,7</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	1.188,7	1.188,7	1.188,7	
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề</b>	<b>3.976</b>	<b>3.976</b>	<b>3.976</b>	
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>3.976</b>	<b>3.976</b>	<b>3.976</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	3.976	3.976	3.976	
<b>IV</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ</b>	<b>134</b>	<b>134</b>	<b>134</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>	<b>104</b>	<b>104</b>	<b>104</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	104	104	104	-
<b>2</b>	<b>Chi cục Dân số - KHHGD</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	15	15	15	-
<b>3</b>	<b>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	15	15	15	-
<b>V</b>	<b>Chi khen thưởng</b>	<b>140</b>	<b>140</b>	<b>140</b>	<b>-</b>
	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>	<b>140</b>	<b>140</b>	<b>140</b>	<b>-</b>
	- Kinh phí không thường xuyên	140	140	140	-

## THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CỦA SỞ Y TẾ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện (đơn vị sử dụng ngân sách)	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Số còn lại chưa thẩm tra phân bổ
A	B	C	1	2	3	4=1-3
	<b>Tổng số</b>		<b>191.252,6</b>	<b>128.453,6</b>	<b>128.453,6</b>	<b>62.799</b>
<b>A</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		<b>17.275</b>	<b>17.275</b>	<b>17.275</b>	-
<b>I</b>	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>		<b>9.875</b>	<b>9.875</b>	<b>9.875</b>	-
<b>a</b>	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		7.142	7.142	7.142	-
<b>b</b>	Kinh phí bổ sung lương		2.061	2.061	2.061	-
<b>c</b>	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		672	672	672	-
	- Kinh phí khảo sát sự hài lòng của người dân về các cơ sở y tế		31	31	31	-
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính		173	173	173	-
	- Kinh phí đồng phục thanh tra	Văn phòng Sở Y tế	30	30	30	-
	- Kinh phí hoạt động công tác Đảng		24	24	24	-
	- Kinh phí tổng kết ngành		40	40	40	-
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		54	54	54	-
	- Kinh phí tập huấn về xác định tình trạng nghiện Ma túy và cai nghiện ma túy		42	42	42	-
	-Kinh phí tổ chức kỷ niệm 70 năm Ngày thầy thuốc Việt nam (27/02/1955-27/02/2025)		278	278	278	-
<b>II</b>	<b>Chi cục Dân số - KHHGD</b>		<b>3.319</b>	<b>3.319</b>	<b>3.319</b>	-
<b>a</b>	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Chi cục Dân số - KHHGD	2.502	2.502	2.502	-
<b>b</b>	Kinh phí bổ sung lương		817	817	817	-
<b>III</b>	<b>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</b>		<b>4.081</b>	<b>4.081</b>	<b>4.081</b>	-
<b>a</b>	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	3.117	3.117	3.117	-
<b>b</b>	Kinh phí bổ sung lương		964	964	964	-
<b>B</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số</b>		<b>169.727,6</b>	<b>106.928,6</b>	<b>106.928,6</b>	<b>62.799</b>
<b>I</b>	<b>Chi công tác khám bệnh, chữa bệnh</b>		<b>80.175</b>	<b>80.175</b>	<b>80.175</b>	-
<b>1</b>	<b>Chi thường xuyên cho các cơ sở khám chữa bệnh</b>		<b>26.605</b>	<b>26.605</b>	<b>26.605</b>	-
		Bệnh viện Tâm Thần	13.255	13.255	13.255	
		Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí	8.949	8.949	8.949	
		Bệnh viện Y học cổ truyền	4.401	4.401	4.401	
<b>2</b>	<b>Kinh phí bổ sung lương</b>	Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí	2.837	2.837	2.837	
<b>3</b>	<b>Chế độ, chính sách</b>		<b>24.567,2</b>	<b>24.567,2</b>	<b>24.567,2</b>	-
	- Miễn phí điều trị cho nhân viên y tế thôn, ấp		<b>30</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	-
	- Miễn phí điều trị cho nhân viên y tế thôn, ấp	Bệnh viện Bà Rịa	15	15	15,0	
	- Miễn phí điều trị cho nhân viên y tế thôn, ấp	Bệnh viện Vũng Tàu	15	15	15,0	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện (đơn vị sử dụng ngân sách)	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Số còn lại chưa thẩm tra phân bổ
A	B	C	1	2	3	4=1-3
	- Kinh phí phụ cấp nhân viên y tế thôn ấp		-	-	-	-
	- Kinh phí tiền ăn cho bệnh nhân Tâm Thần	Bệnh viện Tâm Thần	2.830	2.830	2.830	-
	<b>- Kinh phí chăm sóc sức khỏe Cán bộ</b>		<b>21.515</b>	<b>21.515</b>	<b>21.515</b>	-
		Bệnh viện Bà Rịa	10.754	10.754	10.754,0	
		Bệnh viện Vũng Tàu	10.761	10.761	10.761	
	- Kinh phí Quỹ người nghèo	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	160	160	160	-
	- Kinh phí khám sức khỏe học sinh		-	-	-	-
	- Kinh phí khám sức khỏe người cao tuổi		32,20	32,20	32,20	-
	Văn phòng Sở Y tế	Văn phòng Sở Y tế	32,20	32,2	32,2	
<b>4</b>	<b>Chi nhiệm vụ được giao</b>		<b>26.166,0</b>	<b>26.166,0</b>	<b>26.166,0</b>	-
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh Bệnh viện Tâm thần	Bệnh viện Tâm Thần	328	328	328	-
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh Bệnh viện y học Cổ truyền	Bệnh viện y học Cổ truyền	466	466	466	-
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh tại Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	1.129	1.129	1.129,0	-
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh tại Bệnh viện Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	855	855	855	-
	- Kinh phí thực hiện Chương trình bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng	Bệnh viện Tâm Thần	<b>32</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	-
	- Kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng	Bệnh viện Tâm Thần	133	133	133	-
	- Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế		<b>22.447</b>	<b>22.447</b>	<b>22.447</b>	-
	+ Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất tại Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	13.467	13.467	13.467,0	-
	+ Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất tại Bệnh viện Y học cổ truyền năm 2025	Bệnh viện Y học cổ truyền	1.863	1.863	1.863	-
	+ Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất tại Bệnh viện Y học cổ truyền (thanh toán nhiệm vụ sửa chữa của năm trước)	Bệnh viện Y học cổ truyền	3.148	3.148	3.148	-
	+Kinh phí thanh toán sửa chữa cơ sở vật chất tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	2.417	2.417	2.417	-
	+Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất tại Bệnh viện Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	1.552	1.552	1.552	-

STT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện (đơn vị sử dụng ngân sách)	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Số còn lại chưa thẩm tra phân bổ
A	B	C	I	2	3	4=I-3
	- Kinh phí di dời và vận hành bệnh viện sang cơ sở mới		776	776	776	
	+ Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Mắt	668	668	668	
	+ Bệnh viện Phổi -Phạm Hữu Chí	Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí	108	108	108	
<b>II</b>	<b>Chi công tác y tế dự phòng và các lĩnh vực y tế khác</b>		<b>26.753,4</b>	<b>26.753,4</b>	<b>26.753,4</b>	-
<b>1</b>	<b>Chi thường xuyên cho các cơ sở y tế dự phòng</b>		<b>9.768</b>	<b>9.768</b>	<b>9.768</b>	-
		Trung tâm Giám định Y khoa	2.247	2.247	2.247	
		Trung tâm Pháp Y	2.763	2.763	2.763	
		Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	4.758	4.758	4.758	
<b>2</b>	<b>Kinh phí bổ sung lương cho các cơ sở y tế dự phòng</b>		<b>3.211</b>	<b>3.211</b>	<b>3.211</b>	-
		Trung tâm Giám định Y khoa	859	859	859	
		Trung tâm Pháp Y	1.086	1.086	1.086	
		Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	1.266	1.266	1.266	
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động chuyên môn lĩnh vực y tế dự phòng và y tế khác</b>		<b>2.350</b>	<b>2.350</b>	<b>2.350</b>	-
	- Kinh phí cho công tác kiểm nghiệm Dược phẩm và mỹ phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	1.298	1.298	1.298	-
	- Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe		1.052	1.052	1.052	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	987	987	987,0	
	Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	65	65	65,0	
	Bệnh viện Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	-	-	-	
<b>4</b>	<b>Các chế độ, chính sách, nhiệm vụ được giao</b>		<b>11.424,4</b>	<b>11.424,4</b>	<b>11.424,4</b>	-

STT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện (đơn vị sử dụng ngân sách)	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Số còn lại chưa thẩm tra phân bổ
A	B	C	1	2	3	4=1-3
	- Kinh phí bảo vệ xâm hại tình dục trẻ em	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	253	253	253,0	-
	- Kinh phí đề án biển đảo năm 2025	Văn phòng Sở Y tế	208,0	208	208	-
	- Các chương trình thường xuyên khác		<b>9.471,9</b>	<b>9.471,9</b>	<b>9.471,9</b>	-
	- Chương trình phòng chống Lao		<b>322,8</b>	<b>322,8</b>	<b>322,8</b>	-
		Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí	322,8	322,8	322,8	
	- Chương trình phòng chống Hen-Copd		<b>209</b>	<b>209</b>	<b>209</b>	-
		Bệnh viện Phổi Phạm	170,0	170,0	170,0	
	Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	19,4	19,4	19,4	
	Bệnh viện Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	19,4	19,4	19,4	
	- Hoạt động phòng chống bệnh Tim mạch		<b>145,6</b>	<b>145,6</b>	<b>145,6</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	145,6	145,6	145,6	
	- Hoạt động phòng chống bệnh Phong		<b>94,8</b>	<b>94,8</b>	<b>94,8</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	94,8	94,8	94,8	
	- Hoạt động Y tế trường học		<b>279,7</b>	<b>279,7</b>	<b>279,7</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	248,4	248,4	248,4	
	Văn phòng Sở Y tế (đặt hàng)	Văn phòng Sở Y tế	31,3	31,3	31,3	
	- Hoạt động Y tế tiêm chủng mở rộng		<b>479,5</b>	<b>479,5</b>	<b>479,5</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	245,8	245,8	245,8	
	Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	177,9	177,9	177,9	
	Bệnh viện Vũng Tàu	Bệnh viện Vũng Tàu	55,8	55,8	55,8	
	- Hoạt động vệ sinh môi trường Y tế- Quan trắc môi trường lao động		<b>1.028,7</b>	<b>1.028,7</b>	<b>1.028,7</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	886	886	886,0	
	Văn phòng Sở Y tế (đặt hàng)	Văn phòng Sở Y tế	142,7	142,7	142,7	
	- Hoạt động Phòng chống Sốt xuất huyết Dengue và vi rút ZIKA		<b>1.164,0</b>	<b>1.164,0</b>	<b>1.164,0</b>	-

STT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện (đơn vị sử dụng ngân sách)	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Số còn lại chưa thẩm tra phân bổ
A	B	C	1	2	3	4=1-3
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	1.157,2	1.157,2	1.157,2	
	Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	6,8	6,8	6,8	
	- Hoạt động Phòng chống bệnh Sốt rét		<b>114,0</b>	<b>114,0</b>	<b>114,0</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	114	114	114,0	
	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em		<b>891,2</b>	<b>891,2</b>	<b>891,2</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	891,2	891,2	891,2	
	- Hoạt động Phòng chống bệnh đái tháo đường và các rối loạn do thiếu i-ốt		<b>349</b>	<b>349</b>	<b>349</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	349,0	349,0	349,0	
	- Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản		<b>501,0</b>	<b>501,0</b>	<b>501,0</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	179,3	179,3	179,3	
	Văn phòng Sở Y tế (đặt hàng)	Văn phòng Sở Y tế	321,7	321,7	321,7	
	- Hoạt động Phòng chống bệnh truyền nhiễm		<b>1.009,4</b>	<b>1.009,4</b>	<b>1.009,4</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	1.009,4	1.009,4	1.009,4	
	- Hoạt động Vệ sinh lao động -bệnh nghề nghiệp		<b>173,2</b>	<b>173,2</b>	<b>173,2</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	173,2	173,2	173,2	
	- Hoạt động Phòng chống HIV/AIDS		<b>276,5</b>	<b>276,5</b>	<b>276,5</b>	-
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	276,5	276,5	276,5	
	- Kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm		<b>979</b>	<b>979</b>	<b>979</b>	-
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	978,6	978,6	978,6	
	- Kế hoạch dân số và phát triển		<b>1.210,1</b>	<b>1.210,1</b>	<b>1.210,1</b>	-
	Chi cục DS-KHHGD tỉnh	Chi cục Dân số - KHHGD	1.189	1.188,7	1.188,7	
	Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	21,4	21,4	21,4	
	- Kinh phí triển khai hoạt động Quân Dân Y kết hợp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Văn phòng Sở Y tế	95,0	95	95	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị thực hiện (đơn vị sử dụng ngân sách)	Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh giao (số giao được sử dụng sau khi đã tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương)	Dự toán 2025 Sở Y tế phân bổ và giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc tại Công văn số 5390/SYT-KHTC ngày 19/12/2024	Số kiểm tra phân bổ và giao dự toán 2025 kỳ này	Số còn lại chưa thẩm tra phân bổ
A	B	C	I	2	3	4=I-3
	- Kinh phí thực hiện chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng		150	150	150	-
	Bệnh viện Bà Rịa	Bệnh viện Bà Rịa	150	150	150,0	
	- Kinh phí hỗ trợ bệnh nhân cùng chi trả thuốc ARV		273,5	273,5	273,5	-
		Bệnh viện Vũng Tàu	69,5	69,5	69,5	
		Bệnh viện Bà Rịa	204	204	204,0	
	- Kinh phí mua thuốc ARV		11	11	11	-
		Bệnh viện Vũng Tàu	1,0	1	1	
		Bệnh viện Bà Rịa	10	10	10,0	
	- Kinh phí mua thuốc Methadone		-	-	-	-
	- Kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Trung tâm Pháp Y	1.207	1.207	1.207	
IV	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách phát sinh theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền (chỉ phân bổ kinh phí sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt)		62.799		-	62.799
C	<b>Chi sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng</b>		<b>3.976</b>	<b>3.976</b>	<b>3.976</b>	-
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ quan	Văn phòng Sở Y tế	173	173	173	-
	- Kinh phí hỗ trợ tự đào tạo sau đại học (Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND)	Văn phòng Sở Y tế	970	970	970	-
	- Kinh phí mở lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ năng	Văn phòng Sở Y tế	920	920	920	
	- Kinh phí đào tạo học sinh tinh cử đi đào tạo	Văn phòng Sở Y tế	1.913	1.913	1.913	
D	<b>Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ</b>		<b>134</b>	<b>134</b>	<b>134</b>	-
1	<b>Chi công nghệ thông tin</b>		<b>89</b>	<b>89</b>	<b>89</b>	-
	Văn phòng Sở	Văn phòng Sở Y tế	89	89	89	-
	- Duy trì Mạng số liệu chuyên dùng	Văn phòng Sở Y tế	61	61	61	-
	- Thù lao nhuận bút tin bài	Văn phòng Sở Y tế	28	28	28	-
2	<b>Kinh phí duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015</b>		<b>45</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	-
	- Văn phòng Sở	Văn phòng Sở Y tế	15	15	15	-
	- Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	15	15	15	-
	- Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Chi cục Dân số - KHHGĐ	15	15	15	-
E	<b>Chi khen thưởng</b>		<b>140</b>	<b>140</b>	<b>140</b>	-
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	Văn phòng Sở Y tế	140	140	140	-

## PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Năm: 2025

Đvt: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định giao dự toán		Mã loại dự toán	TKTN	Mã cấp NS	Mã QHNS	Mã Chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền được phân bổ (đồng)	Số còn lại chưa phân bổ	Tên lô bút toán, Số ID/Số giao dịch Dossier	
			Số	Ngày													
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Cấp 0</b>	3268	10/12/2024										191.252.600.000			
		<b>Cấp 1</b>													191.252.600.000	62.799.000.000	
		<b>Cấp 4</b>	Số phân bổ kỳ này												128.453.600.000		
			Số còn lại chưa phân bổ													62.799.000.000	
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính nhà nước</b>	<b>Cấp 0</b>			01	9213	2	2997977	999	340	99999	1711	29	17.275.000.000			
		<b>Cấp 1</b>			01	9253	2	1101471	423	340	99999	1711	29	17.275.000.000			
		<b>Cấp 4</b>												17.275.000.000			
<b>1</b>	<b>VP Sở Y tế</b>													9.875.000.000			
	Kinh phí tự chủ				01	9523	2	1017362	423	341	00000	1711	13	7.142.000.000			
	Kinh phí bổ sung lương				01	9523	2	1017362	423	341	00000	1711	13	2.061.000.000			
	Kinh phí không tự chủ				01	9527	2	1017362	423	341	00000	1711	12	648.000.000			
	Kinh phí Đảng				01	9527	2	1017362	423	351	00000	1711	12	24.000.000			
<b>2</b>	<b>Chi cục Dân số - KHHGD</b>													3.319.000.000			
	Kinh phí tự chủ				01	9523	2	1020546	423	341	00000	1711	13	2.502.000.000			
	Kinh phí bổ sung lương				01	9523	2	1020546	423	341	00000	1711	13	817.000.000			
<b>3</b>	<b>Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm</b>													4.081.000.000			
	Kinh phí tự chủ				01	9523	2	1099964	423	341	00000	1711	13	3.117.000.000			
	Kinh phí bổ sung lương				01	9523	2	1099964	423	341	00000	1711	13	964.000.000			
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số</b>	<b>Cấp 0</b>			01	9213	2	2997977	999	130	99999	1711	29	169.727.600.000			
		<b>Cấp 1</b>			01	9253	2	1101471	423	130	99999	1711	29	169.727.600.000	62.799.000.000		
	<b>Phân bổ lần 1</b>	<b>Cấp 4</b>												106.928.600.000			
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>													830.900.000			
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1017362	423	132	00000	1711	12	830.900.000			
<b>2</b>	<b>Bệnh viện Bà Rịa</b>													26.019.500.000			
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1017611	423	132	00000	1711	12	25.365.000.000			
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1017611	423	131	00000	1711	12	654.500.000			
<b>3</b>	<b>Bệnh viện Vũng Tàu</b>													13.328.700.000			
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1080351	423	132	00000	1719	12	13.183.000.000			

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định giao dự toán		Mã loại dự toán	TKTN	Mã cấp NS	Mã QHNS	Mã Chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền được phân bổ (đồng)	Số còn lại chưa phân bổ	Tên lô bút toán, Số ID/Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày												
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1080351	423	131	00000	1719	12	145.700.000		
<b>4</b>	<b>Bệnh viện Tâm Thần</b>													<b>16.578.000.000</b>		
	Kinh phí thường xuyên				01	9523	2	1020693	423	132	00000	1715	13	13.255.000.000		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1020693	423	132	00000	1715	12	3.323.000.000		
<b>5</b>	<b>Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí</b>													<b>12.386.800.000</b>		
	Kinh phí thường xuyên				01	9523	2	1124239	423	132	00000	1711	13	8.949.000.000		
	Kinh phí bổ sung lương				01	9523	2	1124239	423	132	00000	1711	13	2.837.000.000		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1124239	423	132	00000	1711	12	108.000.000		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1124239	423	131	00000	1711	12	492.800.000		
<b>6</b>	<b>Bệnh viện Y học cổ truyền</b>													<b>9.878.000.000</b>		
	Kinh phí thường xuyên				01	9523	2	1125199	423	132	00000	1711	13	4.401.000.000		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1125199	423	132	00000	1711	12	5.477.000.000		
<b>7</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh</b>													<b>9.427.400.000</b>		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1130555	423	131	00000	1711	12	9.427.400.000		
<b>8</b>	<b>Trung tâm Giám định y khoa</b>													<b>3.106.000.000</b>		
	Kinh phí thường xuyên				01	9523	2	1096912	423	139	00000	1719	13	2.247.000.000		
	Kinh phí bổ sung lương				01	9523	2	1096912	423	139	00000	1719	13	859.000.000		
<b>9</b>	<b>Trung tâm Pháp y tỉnh</b>													<b>5.056.000.000</b>		
	Kinh phí thường xuyên				01	9523	2	1110785	423	139	00000	1711	13	2.763.000.000		
	Kinh phí bổ sung lương				01	9523	2	1110785	423	139	00000	1711	13	1.086.000.000		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1110785	423	139	00000	1711	12	1.207.000.000		
<b>10</b>	<b>Trung tâm kiểm nghiệm DP&amp;MP</b>													<b>7.322.000.000</b>		
	Kinh phí thường xuyên				01	9523	2	1017607	423	139	00000	1719	13	4.758.000.000		
	Kinh phí bổ sung lương				01	9523	2	1017607	423	139	00000	1719	13	1.266.000.000		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1017607	423	139	00000	1719	12	1.298.000.000		
<b>11</b>	<b>Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo</b>													<b>160.000.000</b>		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1090467	423	132	00000	1711	12	160.000.000		
<b>12</b>	<b>Bệnh viện Mắt</b>													<b>668.000.000</b>		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1020547	423	132	00000	1711	12	668.000.000		
<b>13</b>	<b>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</b>													<b>978.600.000</b>		

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định giao dự toán		Mã loại dự toán	TKTN	Mã cấp NS	Mã QHNS	Mã Chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền được phân bổ (đồng)	Số còn lại chưa phân bổ	Tên lô bút toán, Số ID/Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày												
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1099964	423	341	00000	1711	12	978.600.000		
<b>14</b>	<b>Chi cục Dân số - KHHGD</b>													<b>1.188.700.000</b>		
	Kinh phí không thường xuyên				01	9527	2	1020546	423	341	00000	1711	12	1.188.700.000		
<b>III</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</b>	<b>Cấp 0</b>			<b>01</b>	<b>9213</b>	<b>2</b>	<b>2997977</b>	<b>999</b>	<b>070</b>	<b>99999</b>	<b>1711</b>	<b>29</b>	<b>3.976.000.000</b>		
		<b>Cấp 1</b>			01	9253	2	1101471	423	070	99999	1711	29	3.976.000.000		
		<b>Cấp 4</b>												<b>3.976.000.000</b>		
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>													<b>3.976.000.000</b>		
	Kinh phí không tự chủ				01	9527	2	1017362	423	085	00000	1711	12	3.976.000.000		
<b>IV</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học công nghệ</b>	<b>Cấp 0</b>			<b>01</b>	<b>9213</b>	<b>2</b>	<b>2997977</b>	<b>999</b>	<b>100</b>	<b>99999</b>	<b>1711</b>	<b>29</b>	<b>134.000.000</b>		
		<b>Cấp 1</b>			01	9253	2	1101471	423	100	99999	1711	29	<b>134.000.000</b>		
		<b>Cấp 4</b>												<b>134.000.000</b>		
1	Văn phòng Sở Y tế				01	9527	2	1017362	423	103	00000	1711	12	104.000.000		
2	Chi cục Dân số KHHGD				01	9527	2	1020546	423	103	00000	1711	12	15.000.000		
3	Chi cục ATVSTP				01	9527	2	1099964	423	103	00000	1711	12	15.000.000		
<b>V</b>	<b>Chi khen thưởng</b>	<b>Cấp 0</b>			<b>01</b>	<b>9213</b>	<b>2</b>	<b>2997977</b>	<b>999</b>	<b>428</b>	<b>99999</b>	<b>1711</b>	<b>29</b>	<b>140.000.000</b>		
	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>	<b>Cấp 1</b>			01	9253	2	1101471	423	428	99999	1711	29	140.000.000		
	Kinh phí không tự chủ	<b>Cấp 4</b>			01	9527	2	1017362	423	428	00000	1711	12	140.000.000		